**1. Class NhanHieu**

*Mô tả:*

Lớp NhanHieu đại diện cho thương hiệu của nước hoa.

*Thuộc tính:*

TenNhanHieu (private String) - Tên của nhãn hiệu.

MoTa (private String) - Mô tả về nhãn hiệu.

*Phương thức:*

ThemNhanHieu(String tenNhanHieu, String moTa): void  
→ Thêm một nhãn hiệu mới vào hệ thống.

SuaThongTin(String tenNhanHieu, String moTa): void  
→ Sửa thông tin của một nhãn hiệu.

XoaNhanHieu(String tenNhanHieu): void  
→ Xóa một nhãn hiệu khỏi hệ thống (cần kiểm tra nếu còn nước hoa thuộc nhãn hiệu đó).

**2. Class NuocHoa**

*Mô tả:*

Lớp NuocHoa đại diện cho sản phẩm nước hoa trong cửa hàng.

*Thuộc tính:*

NhanHieu (private NhanHieu) - Nhãn hiệu của nước hoa.

DonGia (private int) - Giá của nước hoa.

TenNuocHoa (private String) - Tên nước hoa.

*Phương thức:*

ThemNuocHoa(NhanHieu nhanHieu, int donGia, String

tenNuocHoa): void

→ Thêm một loại nước hoa mới.

ChinhSuaNuocHoa(String tenNuocHoa): void  
→ Chỉnh sửa thông tin nước hoa.

ChinhSuaNuocHoa(int DonGia): void  
→ Chỉnh sửa giá nước hoa.

XoaNuocHoa(String tenNuocHoa): void  
→ Xóa nước hoa khỏi hệ thống.

**3. Class KhachHang**

*Mô tả:*

Lớp KhachHang quản lý thông tin khách hàng.

*Thuộc tính:*

Email (private String) - Email của khách hàng.

TenKhachHang (private String) - Tên khách hàng.

MatKhau (private String) - Mật khẩu tài khoản.

TaiKhoan (private String) - Tên tài khoản khách hàng.

GioHang (private GioHang) - Giỏ hàng của khách hàng.

*Phương thức:*

DangNhap(String taiKhoan, String matKhau): void  
→ Đăng nhập website với tư cách khách hàng.

DangXuat(): void  
→ Đăng xuất khỏi hệ thống.

XemThongTin(): void  
→ Hiển thị thông tin khách hàng.

SuaThongTin(String email, String tenKhachHang, String matKhau): void  
→ Chỉnh sửa thông tin khách hàng.

QuenMatKhau(String email): void  
→ Xử lý quên mật khẩu.

**4. Class GioHang**

*Mô tả:*

Lớp GioHang đại diện cho giỏ hàng của khách hàng.

*Thuộc tính:*

TenNuocHoa (private String) - Tên nước hoa trong giỏ.

SoLuong (private int) - Số lượng sản phẩm.

DonGia (private int) - Giá của sản phẩm.

*Phương thức:*

ThemVaoGioHang(String tenNuocHoa, int soLuong, int donGia): void  
→ Thêm nước hoa vào giỏ hàng.

XoaKhoiGioHang(String tenNuocHoa): void  
→ Xóa nước hoa khỏi giỏ hàng.

XemGioHang(KhachHang khachHang): void  
→ Xem giỏ hàng của khách hàng.

**5. Class LichSuMuaHang**

*Mô tả:*

Lớp LichSuMuaHang đại diện cho lịch sử mà khách hàng đã mua hàng trên website.

*Thuộc tính:*

NgayBan (private Date) - Ngày bán sản phẩm.

KhachHang (private KhachHang) - Khách hàng mua hàng.

TenNuocHoa (private String) - Tên nước hoa được mua.

SoLuong (private int) - Số lượng sản phẩm.

TongTien (private int) - Tổng tiền hóa đơn.

*Phương thức:*

ThemLichSuMua(Date ngayBan,KhachHang khachhang, String TenNuocHoa, int SoLuong, int tongTien): void  
→ Thêm lịch sử mua mới.

TimLichSu(Date ngayBan): void  
→ Tìm lịch sử mua theo ngày bán.

XemLichSu(Date ngayBan): void  
→ Hiển thị lịch sử mua theo ngày.

**6. Class QuanLi**

*Mô tả:*

Lớp QuanLi dành cho quản trị viên của hệ thống.

*Thuộc tính:*

Email (private String) - Email quản trị.

Ten (private String) - Tên quản trị viên.

MatKhau (private String) - Mật khẩu tài khoản.

TaiKhoan (private String) - Tên đăng nhập của quản trị viên.

*Phương thức:*

DangNhap(String taiKhoan, String matKhau): void  
→ Đăng nhập hệ thống với tư cách quản trị viên.

DangXuat(): void  
→ Đăng xuất khỏi hệ thống.

QuenMatKhau(email): void

→ Xử lý quên mật khẩu.

**7. Class Kho**

*Mô tả:*

Lớp Kho chứa thông tin về số lượng sản phẩm còn lại.

*Thuộc tính:*

Nuochoa(private NuocHoa) - Nước Hoa trong kho.

SoLuong(private int) - Số lượng nhập vào kho.

DaBan(private int) - Số lượng đã bán.

ConLai(private int) - số lượng còn lại hiện tại trong kho.

*Phương thức:*

ThemSoLuong(NuocHoa nuochoa, int SoLuong): void  
→ Nhập số lượng của một loại nước hoa vào kho.

ThemSoLuongDaBan(NuocHoa nuochoa, int DaBan): void  
→ Thêm tự động số lượng nước hoa đã bán.